

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-PT

Ngày 26/01/2022

V/v: “*Tranh chấp nợ hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bích Vân**.

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Nhiên**.

Ông Trần Bình Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Cửu Trọng** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Cao Phương Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2021/TLPT-DS, ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp nợ hui*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST, ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2022/QĐ-PT, ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Ánh Đ**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện ủy quyền: Bà **Tô Thị A**, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bà Đ: Luật sư **Nguyễn Ngọc H** – Văn phòng Luật sư DH, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: 1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1978 (có mặt).

2. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978 (có mặt).

Cùng địa chỉ: khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn ông **Nguyễn Văn T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Ánh Đ trình bày: Do quan hệ họ hàng và tin tưởng nên bà Đ có tham gia góp 02 chân hụi do bà L làm chủ cụ thể như sau:

- Dây 5.000.000đ/tháng, mở hụi ngày 06/11/2018 âm lịch, có 26 thành viên tham gia, bà Đ đóng được 23 lần x 5.000.000đ = 115.000.000đồng.

- Dây 5.000.000đ/tháng, mở hụi ngày 16/6/2019 âm lịch, có 26 thành viên tham gia, bà Đ đóng được 15 lần x 5.000.000đ = 75.000.000 đồng.

Ngày 16/8/2020 âm lịch, bà L bỏ trốn khỏi địa phương nên bà A là mẹ bà Đ đến nhà gặp ông T (chồng bà L) kêu động viên bà L về xem thiếu số tiền cụ thể là bao nhiêu để có hướng giải quyết, sau khi bà L về bà Đ đến nhà gặp bà L và ông T tính tiền hụi số tiền hụi gốc đóng cụ thể mỗi lần bao nhiêu bà Đ không nhớ, bà L cũng không còn giữ sổ hụi nên giữa bà với vợ chồng bà L thống nhất tổng số tiền của 02 chân hụi là 190.000.000đồng, vợ chồng bà L hứa bán nhà trả nợ và viết giấy nhận nợ là 190.000.000đồng. Nhưng khi các chủ nợ hỏi mua nhà thì vợ chồng bà L không bán.

Nay bà Đ yêu cầu vợ chồng bà L, ông T trả 190.000.000 đồng tiền nợ hụi, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn T thống nhất trình bày: Do muốn kiếm thêm thu nhập để lo cho các con ăn học cũng như phát triển kinh tế gia đình nên bà L có kêu nhiều người quen tham gia góp hụi, do bà L làm chủ hụi trong đó có bà Lê Ánh Đ tham gia chơi 02 chân hụi cụ thể:

- Dây 5.000.000đ/tháng, mở hụi ngày 06/11/2018 âm lịch, có 26 thành viên tham gia, bà Đ đóng được 23 lần x 5.000.000đ = 115.000.000đồng.

- Dây 5.000.000đ/tháng, mở hụi ngày 16/6/2019 âm lịch, có 26 thành viên tham gia, bà Đ đóng được 15 lần x 5.000.000đ = 75.000.000 đồng như lời bà Đ trình bày.

Tháng 8/2020, bà L bị bệnh phải đi thành phố Hồ Chí Minh điều trị thì có tin đồn bà bỏ trốn nên những người tham gia chơi hụi làm đơn thưa bà ở cơ quan Công an điều tra, do bà L cũng bị nhiều người khi hót hụi, không đóng lại tiền hụi, bà L phải bỏ tiền ra đóng cho những người đó, cũng có một số dây hụi bà L tự hót phụ tiền xây nhà, lo kinh tế gia đình nên khi xạ hụi bà không có khả năng để trả cùng một lúc cho nhiều người. Nay bà L thừa nhận có nợ tiền hụi bà Đ là 190.000.000đ và đồng ý trả cho bà Đ số tiền này nhưng vì hoàn cảnh khó khăn xin bà Đ cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ, nếu bà Đ không đồng ý cho trả dần thì xin cho lại 50% số tiền nợ là 95.000.000 đồng, vợ chồng bà bán nhà trả hết một lần số tiền 95.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ánh Đ đối với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Ánh Đ số tiền 190.000.000đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng*).

3. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần lãi suất chậm trả, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26 và ngày 29 tháng 10 năm 2021, bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tính lại lãi suất đối với số tiền nợ 190.000.000đồng vì số tiền nợ có cộng phần lãi suất từ 14 % đến 22 %/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Nguyên đơn: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông T: Ông T xin được trả dần đến khi hết số tiền nợ là 190.000.000đ, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên cũng chưa tính được sẽ trả như thế nào.

Bị đơn bà L: Thừa nhận số tiền nợ là 190.000.000đ và xin được trả dần hết số nợ như ý kiến ông T trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Do số nợ đã được các bên xác nhận nên bản án sơ thẩm xử buộc bị đơn trả nợ là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án thành phố P.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T thấy rằng: Bà Đ có tham gia chơi 02 chân hụi do bà L làm chủ hụi, số tiền bà Đ đóng hụi cho bà L của 02 chân hụi là 190.000.000 đồng, bà L có viết giấy nhận nợ tiền hụi. Do số tiền nợ được các bên viết biên nhận và xác nhận nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà L thừa nhận số tiền nợ, đồng thời xin được giảm chỉ trả 50% số tiền nợ hoặc xin trả dần đến khi hết nợ nhưng không được sự đồng ý của phía bà Đ. Hơn nữa, Thẩm quyền xem xét hoàn cảnh điều kiện trả nợ như thế nào là thuộc Cơ quan thi hành án, nên cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T.

Do đó, bản án sơ thẩm buộc vợ chồng bà L, ông T phải trả số tiền nợ hụi là 190.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ; Có cơ sở chấp nhận ý kiến của Luật sư; Thống nhất đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo của ông T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST, ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P.

[3] *Về án phí dân sự:*

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T phải nộp; bà Lê Ánh Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

- *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Ông T phải nộp 300.000đ do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về Hui, họ, biên phường;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ánh Đ đối với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Ánh Đ số tiền 190.000.000đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án không trả khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải bầu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. *Về án phí dân sự:*

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T phải nộp số tiền là 9.500.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Lê Ánh Đ tạm ứng án phí với số tiền là 4.750.000 đồng theo biên lai thu số 0007623 ngày 03/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Buộc ông T phải nộp số tiền là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004134 ngày

01/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Kiên Giang thành án phí. Ông T không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP. P;
- THA dân sự TP. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Vân